TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2022/HS-ST
Ngày: 15/4/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị B
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn C
Bà Nguyễn Thị Kim C

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Thanh H- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung K - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 126/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Thu T**, sinh năm: 1994, nơi sinh tại B. Giới tính: Nữ. Tên gọi khác: Không

Hộ khẩu thường trú: Ấp Hành Chính, thị trấn P, P, B. Địa chỉ tạm trú: khu phố T, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: lao động tự .

Con ông Phạm Thanh B (còn sống); Con bà Nguyễn Thị N (còn sống); Gia đình bị cáo có (02) hai chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình;

Bị cáo chung sống như vợ chồng với anh Nguyễn Văn E, sinh năm 1988, không có đăng ký kết hôn. Hiện tạm trú: khu phố T, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Bị cáo có 03 con: con thứ nhất sinh năm 2013, con thứ hai sinh năm 2014, con thứ ba sinh ngày 17/7/2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang được tại ngoại. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Chị Đào Thị H, sinh năm: 1986. Địa chỉ: tổ 6, Ấp H, Phước T, thành phố Biên H, tỉnh Đ (vắng mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn E. Hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã P, huyện P, B.

Địa chỉ tạm trú: khu phố T, phường T thành phố B, tỉnh Đ(vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 14/11/2021, Phạm Thu T, sinh năm 1994, cùng với Nguyễn Văn E, sinh năm 1988, hiện tạm trú tại: khu phố T, phường T, thành phố B, tỉnh Đ đi xe mô tô biển số 61N6- 3725 đi đến sạp bán dừa trên đường Đinh Quang Ân thuộc tổ 14, khu phố H, phường P, thành phố B do chị Đào Thị H, sinh năm 1986 làm chủ. Tại đây, T đi vào hỏi chị H mua nước cốt dừa, cò E đứng ở mép đường chờ, khi chị H vào phía trong lấy nước cốt dừa. T phát hiện chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam sung Galaxy A21 S trên mặt thùng xốp đựng đá. T lợi dụng chị H đang ở phía trong, T lấy chiếc điện thoại trên cất dấu trong túi quần đi đến chỗ E và nói về đi. E nghe T nói vậy, E liền cho xe chạy không biết T lấy trộm điện thoại của chị H. Lúc này chị H phát hiện đã đuổi theo truy hô. Trên đường bỏ chạy khoảng 100 mét T vứt lại chiếc điện thoại ở ven đường và tiếp tục cho xe chạy, được thêm khoảng 300 mét nữa cả hai bị ngã xe, chị H cùng quần chúng nhân dân xung quanh bắt giữ T cùng tang vật trình báo Công an phường P đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu SamSung Galaxy A21s,
- 01 (một) xe mô tô biển số 61N6-3725 sơn màu đen

Theo Kết luận định giá tài sản số: 470/KL-HĐĐGTS ngày 17 tháng 11 năm 2021, của Hội đồng định giá tài sản thành phố B kết luận:

Một chiếc điện thoại nhẫn hiệu Sam sung Galaxy A21s, có giá 2.303.000 đồng (hai triệu, ba trăm lẻ ba nghìn đồng).

Cáo trạng số 151/CT-VKSBH ngày 21/3/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ đã truy tố bị cáo Phạm Thu T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Phạm Thu T. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo T từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

+Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) chiếc điện thoại SamSung Galaxy A21s đã trả lại cho bị hại chị Đào Thị H, chị H không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thu T thừa nhận toàn bộ nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố và việc truy tố là hoàn toàn đúng. Bị cáo đề nghị Toà án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Phạm Thu T không có ý kiến khiếu nại đối với các quyết định, hành vi của cơ quan, người tiến hành tố tụng cũng như các Kết luận định giá tài sản số 470/KL-HĐĐGTS ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đang nuôi ba con nhỏ. Bị cáo hứa với Hội đồng xét xử từ nay bị cáo sẽ làm ăn lương thiện, không tái phạm nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo, bị hai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo T đã thừa nhận:

Khoảng 10 giờ ngày 14 tháng 11 năm 2021, tại sạp bán dừa của chị Đào Thị H trên đường Đinh Quang Ân, thuộc tổ 14, khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh Đ. Phạm Thu T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Đào Thị H môt chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam sung Galaxy A21s, có giá 2.303.000 đồng (hai triệu, ba trăm lẻ ba nghìn đồng).

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai của người bị hại, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi phạm tội của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đúng như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có sức khỏe, có đầy đủ khả năng nhận thức pháp luật. Biết hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện là thể hiện sự coi thường và bất chấp pháp luật. Do vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo thực hiện, nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt, cũng để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, tự nguyện bồi thường thiệt hai, khắc phục hậu quả; chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo nuôi ba con nhỏ; con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh ngày 17/7/2021, bị cáo chung sống như vợ chồng với anh Nguyễn Văn E, sinh năm 1988, không có đăng ký kết hôn. nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm (b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi sung năm 2017).

Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo có nhân thân tốt, trước khi phạm tội cũng như trong thời gian tại ngoại không phạm tội mới, có nơi cư trú ổn định, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không nguy hiểm cho xã hội, nên việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo giáo giục là không cần thiết, mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Đều 65 của Bộ luật hình sự về án treo cho bị cáo T được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách để bị cáo tự cải tạo. Giao bị cáo Phạm Thu Thủy cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

* Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) chiếc điện thoại SamSung Galaxy A21s đã trả lại cho bị hại chị Đào Thị H, chị H không yêu cầu gì thêm.

Đối với Nguyễn Văn E là người điều khiển xe mô tô biển số 61N6-3725 chở T, không biết T lấy trộm điện thoại của chị H. T và E không có bàn bạc trước khi T lấy trộm điện thoại. Do vậy, E không phải là vai trò đồng phạm trong vụ này nên không có căn cứ xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 61N6-3725 Cơ quan điều tra Công an thành phố B đang tiến hành xác minh, điều tra làm rõ nguồn gốc của chiếc xe sẽ tiến hành xử lý sau.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thu T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Căn cứ khoản 1 Điều 173; Các điểm b, h, i ,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

Xử phạt bị cáo Phạm Thu T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 15/4/2022.

Giao bị cáo Phạm Thu T cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (Hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phri chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47, 135, 136, 327, 331, 333 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Thu T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Không.

Về kháng cáo: Bị cáo Phạm Thu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại Đào Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn E (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSND thành phố B
-Nhà tạm giữ thành phố B
-Chi cục THADS thành phố B
-TAND tỉnh Đ
-VKSND tỉnh Đ
-Bị cáo;
-Bị hại;
-Người có QLNVLQ;
-Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị B